

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

**I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất
2. Mã chứng khoán: TNC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120

**II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

1. Họ và tên: Nguyễn Nhật Thành Lâm
2. Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120
4. Loại thông tin công bố: Định kỳ.

**III. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:**

Báo cáo tài chính quý I năm 2021.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Bà Rịa, ngày 19 tháng 4 năm 2021

**Người thực hiện công bố thông tin**



*Nguyễn Nhật Thành Lâm*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**  
**PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NĂM 2021**

*BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*  
*BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*  
*BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*  
*BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

*Kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>211,508,987,228</b>	<b>208,456,687,733</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3,934,771,240</b>	<b>22,514,405,476</b>
Tiền	111		3,934,771,240	14,514,405,476
Các khoản tương đương tiền	112		-	8,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>172,000,000,000</b>	<b>147,000,000,000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		172,000,000,000	147,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15,494,215,996</b>	<b>13,678,546,646</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		5,617,230,073	6,707,874,263
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7,218,900,919	4,901,245,600
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		7,608,140,679	7,084,482,458
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4,950,055,675)	(5,015,055,675)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>19,959,276,250</b>	<b>24,911,535,948</b>
Hàng tồn kho	141		19,959,276,250	24,911,535,948
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>120,723,742</b>	<b>352,199,663</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		120,723,742	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	352,199,663
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>177,797,763,104</b>	<b>175,555,730,631</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>63,426,982,210</b>	<b>65,215,682,076</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		63,426,982,210	65,215,682,076
Nguyên giá	222		138,994,258,943	138,994,258,943
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75,567,276,733)	(73,778,576,867)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340,000,000)	(340,000,000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>52,933,161,088</b>	<b>50,563,989,751</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		52,933,161,088	50,563,989,751
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>57,311,175,704</b>	<b>57,311,175,704</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		30,500,000,000	30,500,000,000



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4,126,444,102</b>	<b>2,464,883,100</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		4,025,065,081	2,350,504,079
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		101,379,021	114,379,021
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>389,306,750,332</b>	<b>384,012,418,364</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37,730,466,973</b>	<b>39,317,847,778</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16,134,664,321</b>	<b>22,317,847,778</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		176,129,948	753,451,848
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		632,600,000	632,600,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		1,524,913,703	56,859,071
Phải trả người lao động	314		4,138,599,340	8,196,858,887
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		53,465,000	149,410,000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		2,303,930,861	2,398,861,151
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quý khen thưởng và phúc lợi	322		7,305,025,469	10,129,806,821
Quý bình ỏ giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21,595,802,652</b>	<b>17,000,000,000</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		21,595,802,652	17,000,000,000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quý phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>351,576,283,359</b>	<b>344,694,570,586</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>351,576,283,359</b>	<b>344,694,570,586</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quý đầu tư phát triển	418		95,474,011,654	95,474,011,654
Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63,602,271,705	56,720,558,932
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		56,720,558,932	1,822,474,106
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6,881,712,773	54,898,084,826
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 01 - DN  
( Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính )

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021 VND	01/01/2021 VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>389,306,750,332</b>	<b>384,012,418,364</b>



**TRẦN HỮU TRÍ**  
Kế toán trưởng/Người lập bảng



**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**  
Tổng Giám đốc  
Bà Rịa, ngày 19 tháng 04 năm 2021



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mã số	Thuyết minh	Quý 01		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	VND	Năm nay	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14,901,339,703	12,161,824,835	14,901,339,703	12,161,824,835
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	<b>Doanh thu thuần</b>	14,901,339,703	12,161,824,835	14,901,339,703	12,161,824,835
11	Giá vốn hàng bán	11,682,736,507	10,783,350,543	11,682,736,507	10,783,350,543
20	<b>Lợi nhuận gộp</b>	3,218,603,196	1,378,474,292	3,218,603,196	1,378,474,292
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5,786,869,765	25,439,572,959	5,786,869,765	25,439,572,959
22	Chi phí tài chính	-	-	-	-
23	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	-	-	-	-
24	Chi phí bán hàng	4,148,000	11,935,000	4,148,000	11,935,000
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,409,915,136	1,508,105,932	1,409,915,136	1,508,105,932
30	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	7,591,409,825	25,298,006,319	7,591,409,825	25,298,006,319
31	Thu nhập khác	377,673,189	281,948,182	377,673,189	281,948,182
32	Chi phí khác	274,991,103	366,895,968	274,991,103	366,895,968
40	<b>Lợi nhuận khác</b>	102,682,086	(84,947,786)	102,682,086	(84,947,786)
50	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	7,694,091,911	25,213,058,533	7,694,091,911	25,213,058,533
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	799,379,138	441,726,928	799,379,138	441,726,928
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	13,000,000	2,400,000	13,000,000	2,400,000
60	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	6,881,712,773	24,768,931,605	6,881,712,773	24,768,931,605
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	357	357	357	1,287
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	357	357	357	1,287

*(Handwritten signature)*

**TRẦN HỮU TRÍ**

Kế toán trưởng/Người lập bảng



**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**

Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 19 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		7,694,091,911	25,213,058,533
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		1,788,699,866	1,764,875,098
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(65,000,000)	(12,000,000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5,810,744,765)	(25,511,831,292)
Chi phí lãi vay	06			-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>3,607,047,012</b>	<b>1,454,102,339</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		741,113,190	1,037,635,232
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		4,952,259,698	4,441,558,545
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		877,929,822	(4,644,394,608)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(1,795,284,744)	(654,321,660)
Tiền lãi vay đã trả	13			-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(140,267,794)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2,824,781,352)	(2,965,930,677)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5,558,283,626</b>	<b>(1,471,618,623)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(4,475,606,656)	(366,616,070)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		23,875,000	
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(60,500,000,000)	(68,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		35,500,000,000	58,000,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5,401,522,544	25,511,831,292
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(24,050,209,112)</b>	<b>15,145,215,222</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(87,708,750)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(87,708,750)</b>	<b>-</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(18,579,634,236)</b>	<b>13,673,596,599</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>22,514,406,476</b>	<b>1,256,588,609</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>		<b>3,934,771,240</b>	<b>14,930,185,208</b>



**TRẦN HỮU TRÍ**  
Kế toán trưởng/Người lập bảng



**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 19 tháng 04 năm 2021

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Quý I Năm 2021

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016. vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

**3. Ngành nghề kinh doanh:** Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

##### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

##### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

##### 6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Đội Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

#### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo số về Công ty.

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

#### 7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

#### 8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

##### 8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

##### 8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

#### 9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

#### 10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

#### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### 12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

#### 13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

#### Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận trước thuế. Riêng đối với hoạt động sau :

- Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường cao su Hoà Bình 2. Nông trường cao su Phong phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc). Công ty có

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận trước thuế.

- Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận trước thuế.

#### 15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP.HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	687.532.238	175.435.808
- Tiền gửi ngân hàng	3.247.239.002	14.338.969.668
- Các khoản tương đương tiền		
<b>Tổng cộng:</b>	<b>3.934.771.240</b>	<b>14.514.405.476</b>

a) Chi tiết tiền mặt	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	632.628.398		632.628.398
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	49.133.770		49.133.770
Tại quỹ NTCS Phong Phú	143.790		143.790
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	1.264.000		1.264.000
Tại quỹ Đội NN UDCNC Thống Nhất	217.400		217.400
Tại quỹ Đội NN UDCNC Thống Nhất - Kyzuna	4.144.880		4.144.880
<b>Tổng cộng:</b>	<b>687.532.238</b>	-	<b>687.532.238</b>

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	Tiền gửi VND	USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng Tàu	1.663.773.678		1.663.773.678
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	57.814.471		57.814.471
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	401.023		401.023
BIVDBank - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	5.545.593		5.545.593
Sacombank - CN huyện Châu Đức	1.492.529.841		1.492.529.841
Agribank - CN huyện Châu Đức	25.970.100		25.970.100
KienLongbank - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	1.204.296		1.204.296
<b>Tổng cộng:</b>	<b>3.247.239.002</b>	-	<b>3.247.239.002</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		8.000.000.000
<b>Tổng cộng:</b>	-	<b>8.000.000.000</b>

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
b1) Ngắn hạn	172.000.000.000	172.000.000.000		147.000.000.000	147.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	172.000.000.000	172.000.000.000		147.000.000.000	147.000.000.000	
- Trái phiếu						
b2) Dài hạn	30.500.000.000	30.500.000.000		30.500.000.000	30.500.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000.000	30.000.000.000		30.000.000.000	30.000.000.000	
- Trái phiếu	500.000.000	500.000.000		500.000.000	500.000.000	
- Các khoản đầu tư khác						
<b>Tổng cộng (b1+b2)</b>	<b>202.500.000.000</b>	<b>202.500.000.000</b>		<b>177.500.000.000</b>	<b>177.500.000.000</b>	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704			26.811.175.704		

(\*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.617.230.073	4.632.235.675	6.707.874.263	4.697.235.675
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.099.180.000	4.099.180.000	4.099.180.000	4.099.180.000
Công ty TNHH Thành Lợi			262.711.166	
Ông Nguyễn Văn Lưu			530.515.000	
Ông Trần Tuấn Thành	704.377.000			
Công ty TNHH SX TMDV XNK Minh Quyền	66.600			
Công ty TNHH MTV SX Khánh Trường Thịnh	280.550.798			
Ông Đỗ Hữu Trữ			73.352.500	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Công ty TNHH MTV TM DV Đầu Tư Phước Huy			593.787.060	
Công ty TNHH MINASU			550.272.862	
Các khách hàng là Đại lý bán cám	533.055.675	533.055.675	598.055.675	598.055.675
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>				
<b>Tổng cộng:</b>	<b>5.617.230.073</b>	<b>4.632.235.675</b>	<b>6.707.874.263</b>	<b>4.697.235.675</b>

4. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>7.218.900.919</b>	<b>4.901.245.600</b>
Công ty CP Đất Đỏ	340.000.000	340.000.000
Công ty TNHH Đại Thiên Tân	686.250.000	686.250.000
Công ty CP tư vấn và thẩm định giá Đông Nam	82.500.000	82.500.000
Cơ Khí Thanh Hào	670.500.000	335.250.000
Cửa hàng Nông Ngư Cơ Trần Dư ( Mua Máy Cày )	-	20.000.000
Công ty TNHH Bảo Minh Anh	500.600.000	50.000.000
Công ty CP Công nghiệp Nông nghiệp Xanh	3.569.026.328	3.269.975.600
Công ty CP Công nghệ sinh học cây giống VN	-	91.770.000
Công ty TNHH Neem Nhã Phương	34.650.000	25.500.000
Hoàng Thị Thu Lý	169.440.000	-
Công ty TNHH SX TM DV XNK Minh Quyền	144.400.000	-
Công ty CP Công nghiệp Lạnh Hưng Trí	660.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị công nghệ E&T	251.685.391	-
Cty TNHH MTV SXTM DV XNK Cánh Đồng Xanh	109.849.200	-
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>7.218.900.919</b>	<b>4.901.245.600</b>

5. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>7.608.140.679</b>	<b>317.820.000</b>	<b>7.084.482.458</b>	<b>317.820.000</b>
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
Phải thu bảo hiểm người lao động	180.155.341		136.767.269	
Phải thu thuế TNCN người lao động	174.933.570		153.681.299	
Lãi tiền gửi phải thu	6.848.561.111		6.463.213.890	
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	65.000.000		8.000.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)	5.000.000		5.000.000	
Công ty TNHH PT Thái Dương			-	-
Phải thu về cổ phần hóa			-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>7.608.140.679</b>	<b>317.820.000</b>	<b>7.084.482.458</b>	<b>317.820.000</b>

<b>6. Dự phòng phải thu khó đòi</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>4.950.055.675</b>	<b>5.015.055.675</b>
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.417.000.000	4.417.000.000
Dương Thị Yến	53.000.000	53.000.000
Lê Ngọc Tùng	24.364.340	24.364.340
Dương Minh Chiến	35.379.160	35.379.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000	6.550.000
Lê Thị Trúc Lệ	59.115.235	59.115.235
TT Khuyến Nông	8.320.000	8.320.000
Nguyễn Thanh Tự	58.300.000	58.300.000
Anh Hoàng - Long Phước	2.933.500	2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246.776.700	246.776.700
Nguyễn Thanh Quang	10.450.000	10.450.000
Phạm Ngọc Dũng	7.866.740	7.866.740
Dương Văn Lợi	20.000.000	85.000.000
<b>b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng:</b>	<b>4.950.055.675</b>	<b>5.015.055.675</b>

<b>7. Tài sản thiếu chờ xử lý</b>	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
a) Tiền				
b) Hàng tồn kho				
c) TSCĐ				
d) Tài sản khác				

<b>8. Nợ xấu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>		<b>Đối tượng nợ</b>
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	
<b>Tổng cộng:</b>					

<b>9. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
------------------------	-------------------	-------------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường		-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	3.168.499.860		4.230.096.900	
- Công cụ, dụng cụ	758.663.432		771.748.607	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.4.04.858.940		8.047.363.287	-
- Thành phẩm	10.627.254.018		11.862.327.154	
- Hàng hoá		-		-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>19.959.276.250</b>	<b>-</b>	<b>24.911.535.948</b>	

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
Chi phí trồng tre và chuối tại PP&NTCS Hoà Bình 2				
Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú				
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>52.933.161.088</b>	<b>-</b>	<b>50.563.989.751</b>	<b>-</b>
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	4.972.679.997		4.899.600.429	
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	42.952.548.166		42.715.552.329	
Vườn cây Mít			-	
Vườn Điều tại Đội CS Phong Phú	76.659.178		76.659.178	
Chi phí mua sắm dở dang dự án Thống Nhất-Kyzuna	4.931.273.747		2.872.177.815	
<b>Tổng cộng:</b>	<b>52.933.161.088</b>	<b>-</b>	<b>50.563.989.751</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Vườn cây cao su</i>	<i>Vườn cây Mít</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	44.378.886.323	23.418.810.689	7.080.742.080	417.850.894	62.318.033.301	1.379.935.656	138.994.258.943
- Mua trong năm							-
- Đầu tư XD CB hoàn thành							-
- Tặng khác							-
- Thanh lý, nhượng bán							-
- Giảm khác							-
Số dư cuối năm	44.378.886.323	23.418.810.689	7.080.742.080	417.850.894	62.318.033.301	1.379.935.656	138.994.258.943
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	37.267.475.484	18.448.978.972	4.132.304.273	380.564.531	13.463.007.629	86.245.978	73.778.576.867
- Khấu hao trong năm	426.330.458	368.397.674	162.987.155	2.151.136	785.710.453	43.122.989	1.788.699.865
- Tặng khác							-
- Thanh lý, nhượng bán							-
- Giảm khác							-
Số dư cuối năm	37.693.805.942	18.817.376.646	4.295.291.428	382.715.667	14.248.718.082	129.368.967	75.567.276.732
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm	7.111.410.839	4.969.831.717	2.948.437.807	37.286.363	48.855.025.672	1.293.689.678	65.215.682.076
- Tại ngày cuối năm	6.685.080.381	4.601.434.043	2.785.450.652	35.135.227	48.069.315.219	1.250.566.689	63.426.982.210

12. Tăng, giảm TSCĐ vô hình	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Quyền phát hành</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	-	340.000.000
- Mua trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				340.000.000
Số dư đầu năm	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	-	<b>2.485.545.612</b>	<b>2.364.821.870</b>	<b>120.723.742</b>
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ	-	1.062.078.447	727.306.800	334.771.647
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ	-	440.000.000	313.983.000	126.017.000
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ	-	501.320.856	384.320.770	117.000.086
Chi phí khác ( Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)	-	482.146.309	939.211.300	(457.064.991)
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2.350.504.079</b>	<b>2.159.729.776</b>	<b>485.168.774</b>	<b>4.025.065.081</b>
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	2.350.504.079	2.159.729.776	485.168.774	4.025.065.081
<b>Tổng cộng:</b>	<b>2.350.504.079</b>	<b>4.645.275.388</b>	<b>2.774.123.644</b>	<b>4.126.444.102</b>

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn:</b>	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ		
<b>b) Dài hạn</b>	<b>101.379.021</b>	<b>114.379.021</b>
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	101.379.021	114.379.021
+ Trích chi phí thực hiện trích đo, lập bản đồ địa chính theo HĐ 01/2015/ĐĐ-TN		
+ Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi - Đại lý Nhà máy CB thức ăn chăn nuôi Hưng Long	101.379.021	114.379.021
<b>Tổng cộng:</b>	<b>101.379.021</b>	<b>114.379.021</b>

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>176.129.948</b>	<b>176.129.948</b>	<b>753.451.848</b>	<b>753.451.848</b>
Nguyễn thị Thu Hồng			57.085.601	57.085.601
Bùi thị Tuyết Nhung			6.017.407	6.017.407
Công ty Cổ Phần SOP Phú Mỹ			160.600.000	160.600.000
Công ty TNHH MTV Kyzuna BRVT			192.760.114	192.760.114
Công ty TNHH Phân bón Kiến Khoa	-	-	114.750.000	114.750.000
Công ty TNHH Quốc Tế Nông Nghiệp Vàng	29.264.763	29.264.763	164.680.000	164.680.000
Công ty TNHH Trí Việt	78.040.000	78.040.000		
Công ty TNHH Packaging	66.625.185	66.625.185		
Phải trả tiền mua vật tư khác	2.200.000	2.200.000		-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Huỳnh thị Mỹ Dung			57.558.726	57.558.726
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)</b>				

<b>16. Người mua trả tiền trước</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	632.600.000	632.600.000
Công ty TNHH MTV Thắng Thắng Lợi		
Công ty TNHH SX TM Thành Long		
Công ty TNHH Chế Biến Gỗ Hùng Sơn		
Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương		
<b>Tổng cộng:</b>	<b>632.600.000</b>	<b>632.600.000</b>

<b>17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>Cuối năm</b>
Thuế giá trị gia tăng	36.784.774	535.243.551	226.447.884	345.580.441
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(352.199.663)	865.579.433	-	513.379.770
Thuế thu nhập cá nhân (*)	19.081.977	31.228.271	48.952.492	1.357.756
Thuế tài nguyên	992.320	1.585.280	2.086.080	491.520
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	825.553.031	161.448.815	664.104.216
Thuế bảo vệ môi trường				
Các loại thuế khác		8.000.000	8.000.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
<b>Tổng cộng:</b>	<b>(295.340.592)</b>			<b>1.524.913.703</b>
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>				
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	56.859.071			1.524.913.703

<b>18. Phải trả người lao động</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tiền lương còn lại phải trả	4.138.599.340	8.196.858.887
<b>Tổng cộng:</b>	<b>4.138.599.340</b>	<b>8.196.858.887</b>

<b>19. Chi phí phải trả</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>53.465.000</b>	<b>149.410.000</b>
Tiền ăn giữa ca		
- <i>Đội cao su Phong Phú</i>		12.405.000
- <i>NTCS Hòa Bình</i>		73.355.000
- <i>Nhà máy CBM Bàu Non</i>	3.465.000	10.035.000
- <i>Đội NNUDCNC Thống Nhất</i>		3.615.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Chi phí kiểm toán BCTC	50.000.000	50.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>53.465.000</b>	<b>149.410.000</b>

20. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.303.930.861</b>	<b>2.398.861.151</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Công ty TNHH TK XD Núi Đất	42.000.000	42.000.000
Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn	21.700.000	21.700.000
Công ty TNHH An Hạ	49.200.000	49.200.000
DNTN Lê Lê Khánh	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Hoàng Diệp	16.695.000	16.695.000
DNTN Dương Hải	3.135.000	3.135.000
Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong	60.000.000	60.000.000
Cty TNHH MTCL Sài Gòn	14.858.250	14.858.250
Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ	26.000.000	26.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK	39.622.000	39.622.000
Công ty TNHH PT Hồng Thái Dương	233.796.723	233.796.723
Công ty TNHH Đại Thiên Tân	47.755.950	47.755.950
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.234.919.218	1.322.627.968
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Các khoản phải nộp khác (TCBHXH)	241.821.818	249.043.358
<b>b) Dài hạn</b>	<b>21.595.802.652</b>	<b>17.000.000.000</b>
- Lãi vay		
Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương	9.595.802.652	9.000.000.000
Công ty TNHH Kizuna	12.000.000.000	8.000.000.000
<b>Tổng cộng:</b>	<b>23.899.733.513</b>	<b>-</b>

21. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
------------------------------	------------	------------

22. Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí hỗ trợ pháp lý				-
Chi phí trợ cấp thôi việc				
<b>Tổng cộng:</b>	-	-	-	-

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	7.275.518.150		2.164.900.000	5.110.618.150
Quỹ phúc lợi	2.854.288.671	43.450.000	703.331.352	2.194.407.319
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	-			-
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều	-			-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

hành công ty				
<b>Tổng cộng:</b>	<b>10.129.806.821</b>	<b>43.450.000</b>	<b>2.868.231.352</b>	<b>7.305.025.469</b>

**24. Vốn chủ sở hữu**

<i>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	<b>Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu</b>			
	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>95.474.011.654</b>	<b>38.062.804.106</b>	<b>326.036.815.760</b>
- Lãi trong năm nay			54.898.084.826	54.898.084.826
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng. Phúc lợi			(6.636.870.000)	(6.636.870.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(153.900.000)	(153.900.000)
- Chia cổ tức			(28.875.000.000)	(28.875.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(574.560.000)	(574.560.000)
- Giám khác			(1.822.474.106)	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>95.474.011.654</b>	<b>54.898.084.826</b>	<b>344.694.570.586</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>95.474.011.654</b>	<b>56.720.558.932</b>	<b>344.694.570.586</b>
- Lãi trong năm nay			6.881.712.773	6.881.712.773
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng. Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức				
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS				
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>95.474.011.654</b>	<b>63.602.271.705</b>	<b>351.576.283.359</b>

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)	98.175.000.000	98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)	94.325.000.000	94.325.000.000
<b>Cộng</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>192.500.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

<b>c) Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000	19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		

**\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND**

<b>25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tài sản nhận giữ hộ		
Ngoại tệ (USD)		
Nợ khó đòi đã xử lý		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:</b>	<b>Quý I Năm nay</b>	<b>Quý I Năm trước</b>
Doanh thu bán mủ cao su	9.884.466.000	6.335.164.500
Doanh thu mủ SVR thu mua chế biến	169.065.000	718.294.500
Doanh thu bán chuối xen canh	76.774.480	3.959.102.500
Doanh thu bán chuối hợp tác kinh doanh	4.728.334.655	1.149.263.335
Doanh thu bán mít	20.517.750	-
Doanh thu khác	22.181.818	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.901.339.703</b>	<b>12.161.824.835</b>

<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>Quý I Năm nay</b>	<b>Quý I Năm trước</b>
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại		
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

<b>3. Giá vốn hàng bán:</b>	<b>Quý I Năm nay</b>	<b>Quý I Năm trước</b>
Giá vốn bán mủ cao su	7.495.497.172	6.028.874.434
Giá vốn mủ thu mua chế biến	149.041.011	761.280.367

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Giá vốn chuối xen canh	62.415.000	3.258.408.392
Giá vốn bán chuối hợp tác kinh doanh	3.927.883.542	734.787.350
Giá vốn bán mít	11.854.150	
Giá vốn khác	36.045.632	
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.682.736.507</b>	<b>10.783.350.543</b>
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho		
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.682.736.507</b>	<b>10.783.350.543</b>

<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính:</b>	<b>Quý I Năm nay</b>	<b>Quý I Năm trước</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.897.788.258	3.071.572.959
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.889.081.507	22.368.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.786.869.765</b>	<b>25.439.572.959</b>

<b>5. Chi phí tài chính:</b>	<b>Quý I Năm nay</b>	<b>Quý I Năm trước</b>
Lãi tiền vay	-	-
Chi phí tài chính khác		
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

<b>6. Chi phí bán hàng:</b>	<b>Quý I Năm nay</b>	<b>Quý I Năm trước</b>
Chi phí kiểm phẩm mũ cao su và bóc xếp	4.148.000	11.935.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.148.000</b>	<b>11.935.000</b>

<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp:</b>	<b>Quý I Năm nay</b>	<b>Quý I Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	1.055.708.149	933.165.894
Khấu hao tài sản cố định	96.187.489	108.203.019
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.395.720	7.893.485
Chi phí trợ cấp mất việc làm	7.860.000	34.025.000
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	305.763.778	432.818.534
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	(65.000.000)	(12.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.409.915.136</b>	<b>1.508.105.932</b>
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.409.915.136</b>	<b>1.508.105.932</b>

<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>Quý I Năm nay</b>	<b>Quý I Năm trước</b>
Thu từ thanh lý tài sản (Cây cao su gãy đổ)	23.875.000	-
Thu từ bán mũ bọt nhà máy, chuối thứ phẩm	5.580.000	40.130.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thu khác	348.218.189	241.818.182
<b>Tổng cộng</b>	<b>377.673.189</b>	<b>281.948.182</b>

<b>9. Chi phí khác</b>	<b>Quý I Năm nay</b>	<b>Quý I Năm trước</b>
Chi phí Kiểm kê vườn cây thanh lý		159.241.830
Chi phí khấu hao tài sản	184.391.103	207.654.138
Chi phí khác	90.600.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>274.991.103</b>	<b>366.895.968</b>

<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Quý I Năm nay</b>	<b>Quý I Năm trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.881.712.773	927.304.638
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	6.881.712.773	927.304.638
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>357</b>	<b>48</b>

<b>11. Chi phí SXKD theo yếu tố</b>	<b>Quý I Năm nay</b>	<b>Quý I Năm trước</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.986.261.737	4.080.954.554
- Chi công cụ dụng cụ	338.334.374	463.227.366
- Chi phí nhân công	4.866.593.772	3.409.623.497
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	963.419.378	892.804.761
- Chi phí khác bằng tiền	4.265.047.855	3.543.565.204
<b>Cộng</b>	<b>12.469.657.116</b>	<b>12.390.175.382</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

*Thu nhập của các thành viên HĐQT. Ban kiểm toán nội bộ. Ban Tổng Giám đốc. thực nhận trong kỳ.*

Thu nhập	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này				
	Số lượng	Tiền lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng (VNĐ)
- Hội đồng quản trị. Ban kiểm toán nội bộ. thư ký HĐQT.	08			105.000.000	105.000.000
- Ban Giám đốc	03	283.500.000			283.500.000
<b>Cộng</b>		<b>283.500.000</b>		<b>105.000.000</b>	<b>388.500.000</b>

**Giao dịch với các bên có liên quan**

Căn cứ tại Điểm 1.1 Khoản 1. Điều 7 và Điểm 3.1. Khoản 3. Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh. các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (đồng)
- Công ty bán cây cao su gãy đổ cho Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn. Vợ của thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty.	23.875.000

**4. Trình bày tài sản. doanh thu. kết quả kinh doanh theo bộ phận: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 02 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là:**

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Đội cao su Phong Phú; Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non. Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất : Chuyên khai thác. sơ chế. kinh doanh cao su...
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế; kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY			
	VĂN PHÒNG CÔNG TY	XÍ NGHIỆP PHƯỚC HƯNG	ĐỘI NNUDCNC THỐNG NHẤT	TỔNG CỘNG
(1)	(2)	(3)		(4)
<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>10.152.487.298</b>	-	<b>4.748.852.405</b>	<b>14.901.339.703</b>
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác				-
3. Khấu hao	1.254.668.489	184.391.103	349.640.274	1.788.699.866
<b>4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.830.368.301</b>	<b>54.608.897</b>	<b>809.114.713</b>	<b>7.694.091.911</b>
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	4.475.606.656			4.475.606.656
6. Tài sản bộ phận	378.496.967.232	1.907.325.403	8.902.457.697	389.306.750.332
7. Tài sản không phân bổ				-
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>378.496.967.232</b>	<b>1.907.325.403</b>	<b>8.902.457.697</b>	<b>389.306.750.332</b>
8. Nợ phải trả bộ phận	37.467.795.973		262.671.000	37.730.466.973
9. Nợ phải trả không bộ phận				-
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>37.467.795.973</b>	-		<b>37.730.466.973</b>

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

5. Thông tin so sánh:
6. Thông tin về hoạt động liên tục:
7. Những thông tin khác:

Bà Rịa, ngày 19 tháng 04 năm 2021

Kế toán trưởng / người lập bảng



Trần Hữu Trí

Tổng Giám đốc


  
 Nguyễn Nhật Thành Lâm